

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2019

Về “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái
pháp luật”

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Thư ký phiên họp: Bà **Lê Thị Thúy H**- Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Phạm Thị Thùy**-Kiểm sát viên tham gia phiên họp

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 156/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật”. Theo Quyết định mở phiên họp số 77/2019/QĐMPH-HNGĐ ngày 19/6/2019 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu:**

Chị **HAN Y**, sinh ngày 24/4/1987 - Quốc tịch: Hn Quốc.

Nơi thường trú: Dongnam - Gu cheo nan- si, Chung cheonam - do, Korea.

Chỗ ở hiện nay: Chung cheong nam-do, Choi an si, Dong nam - Gu,udong 10, Korea.

Người đại diện theo ủy quyền: Luật sư Phan Văn Tiền - Văn phòng Luật sư Phan Tiền & Cộng sự.

Địa chỉ: Số 87, đường Nguyễn Đình Chính, phường Thọ Xương, Tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND xã Thái Hòa, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hợp – Chức vụ: Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn Tĩnh – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985.

3. Chị Cao Thị S, sinh năm 1993.

Đều trú tại: Thôn Cao Xá, xã Thái Hòa, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Theo đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và các tài liệu chứng cứ do người yêu cầu là chị Han Y và người đại diện theo ủy quyền ông Phan Văn Tiền cung cấp thể hiện: Chị Han Y là người có hai Quốc tịch, Quốc tịch Việt Nam tên là Nguyễn Thị Diệu, Quốc tịch Hàn Quốc tên là Han Y. Ngày 16/10/2017 chị và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn tại Dong nam – Gu. Cheo nam si, Chung cheo nam – Do. Hàn Quốc. Đến ngày 03/11/2017 được Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp trích lục ghi chú kết hôn số 838/TLGCKH. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Chung Cheong nam – do, Choi an si, Dong nam – Gu,

udong 10, Hàn Quốc từ ngày 16/10/2017 đến tháng 8/2018. Đầu tháng 9/2018 anh H về Việt Nam, vợ chồng chưa ly hôn nhưng ngày 07/01/2019 anh H đã đăng ký kết hôn trái pháp luật và tổ chức đám cưới với chị Cao Thị S, quê quán: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Việc anh H, chị S kết hôn là vi phạm pháp luật Việt Nam, nay chị đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh H và chị S.

Do công việc không ở lại Việt Nam nên chị ủy quyền cho Văn phòng luật sư P giao nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án.

- Theo bản tự khai và các tài liệu chứng cứ do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H thể hiện: Khoảng năm 2009 anh sang Hàn Quốc lao động. Trong thời gian ở Hàn Quốc anh có quen biết chị Han Y là người gốc Việt Nam nhưng có quốc tịch Hàn Quốc, anh có thời gian sống chung cùng chị Han Y, khi anh đi làm xa chị Han Y sống một mình. Giữa anh và chị Han Y chưa khi nào đến cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc hay cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Việc chị Han Y xuất trình tài liệu thể hiện ngày 16/10/2017 anh và chị Han Y có đăng ký kết hôn tại Dong nam – Gu. Cheo nam si, Chung cheo nam – Do, Hn Quốc. Đến ngày 03/11/2017 được Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp trích lục ghi chú kết hôn số 838/TLGCKH anh không biết. Giữa anh và chị Han Y không có con chung, tài sản chung.

Ngày 07/01/2019 anh và chị Cao Thị S có đến UBND xã H, huyện G làm thủ tục đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đúng quy định của pháp luật Việt Nam. Nay chị Han Y đề nghị hủy việc kết hôn giữa anh và chị S, anh không đồng ý vì chưa khi nào anh kết hôn với chị Han Y. Do công việc anh H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Theo bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị S thể hiện: Chị và anh Nguyễn Văn H tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện G ngày 07/01/2019. Trước khi kết hôn chị và H đều sống độc thân, không tồn tại quan hệ hôn nhân nên đã được chính quyền làm thủ tục đăng ký kết hôn. Nay chị Han Y đề nghị hủy kết hôn giữa chị và anh H, chị không đồng ý. Do công việc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã H, do ông Vũ Đình T - Phó chủ tịch UBND xã H là đại diện theo ủy quyền và ông Nguyễn Xuân Đ nguyên cán bộ tư pháp có quan điểm: Căn cứ vào Quyết định số 55/2015/HNGĐ-ST ngày 29/12/2015 của Tòa án tỉnh Hải Dương thể hiện anh H đã ly hôn với chị Nguyễn Thị H nên ngày 04/02/2016 UBND xã H có xác nhận tình trạng hôn nhân cho anh Nguyễn Văn H. Khoảng tháng 02/2019 anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, anh H có xin giấy giới thiệu của UBND xã H để đăng ký kết hôn với chị Han Y, quốc tịch Hàn Quốc. Tuy nhiên UBND xã không nhận được thông tin tình trạng hôn nhân giữa chị Han Y và anh H. Đến năm 2018 anh H về Việt Nam, không thấy chị Han Y về Việt Nam sinh sống cùng, anh H sống một mình. Đầu năm 2019 UBND xã nhận được giấy xác nhận tình trạng hôn nhân chị Cao Thị S, sinh năm 1993; cư trú: Xã S, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Do vậy, UBND xã H đã làm thủ tục đăng ký kết hôn giữa anh H chị S vào ngày 07/01/2019. Nay chị Han Y đề nghị hủy kết hôn giữa anh H với chị S, quan điểm của UBND xã đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Do công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Qua xác minh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Hải Dương thể hiện: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/8/1985 có CMND số 142591260; trú tại: thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương được Cục quản lý xuất nhập cảnh bộ Công an cấp hộ chiếu số B1810962, cấp ngày 26/12/2007 có thời hạn đến ngày 26/12/2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Phân tích đánh giá các căn cứ liên quan đến giải quyết vụ việc. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Han Y đối với anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị S.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương kiến nghị UBND xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương xử lý Hành chính đối với anh Nguyễn Văn H đồng thời kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và xử lý đối với cán bộ để xảy ra sai sót trong việc đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Han Y hiện đang sinh sống tại Chung cheong nam -do, Choi an si, Dong nam - Gu,udong 10, Korea có đơn yêu cầu nghị hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị S sinh sống tại thôn C, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Han Y vắng mặt tại phiên họp nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt được xác nhận của hợp pháp hóa lãnh sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình T - Phó Chủ tịch UBND xã H, anh Nguyễn Văn H, chị Cao Thị S có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị Han Y và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn tại Dongnam-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam –do, Hàn Quốc ngày 16/10/2017. Đến ngày 03/11/2017 được Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp trích lục ghi chú kết hôn số 838/TLGCKH và chưa ly hôn. Toàn bộ tài liệu này đã được Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam ở Hàn Quốc chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự. Theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam thì chị Han Y và anh H là hôn nhân hợp pháp, hai bên đang tồn tại hôn nhân.

Trong biên bản xác minh, làm việc tại UBND xã H thể hiện khoảng năm 2009 anh H sang Hàn Quốc lao động. Ngày 04/02/2016 Ủy ban có căn cứ vào bản án số 55/2015/HNGĐ - ST ngày 29 tháng 12 năm 2015 và trích lục bản án hôn nhân gia đình ngày 01/02/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương có nội dung anh H ly hôn với chị Nguyễn Thị H nên UBND xã H có xác nhận tình trạng hôn nhân của anh H để anh H làm thủ tục đăng ký kết hôn ở nước ngoài. Anh H cho rằng chưa khi nào đến cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc, cơ quan có thẩm quyền Việt Nam ở nước ngoài để đăng ký kết hôn với chị Han Y, nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Trong khi đó chị Han Y xuất trình toàn bộ thủ tục xác nhận hôn nhân giữa chị và anh H, trích lục ghi chú kết hôn được cơ quan có thẩm quyền xác nhận thể hiện giấy tờ tùy thân của anh H khi làm thủ tục kết hôn là số hộ chiếu B1810962. Qua xác minh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Hải Dương thể hiện số hộ chiếu B1810962 được cấp cho anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/8/1985 có CMND số 142591260 trùng khớp với người có tên Nguyễn Văn H có ngày tháng năm sinh và số CMND như trên đăng ký kết hôn với chị Cao Thị S. Do vậy, có căn cứ xác nhận anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn với chị Cao Thị S và anh Nguyễn Văn H kết hôn với chị Han Y là cùng một người.

Ngày 04/02/2016 UBND xã H xác nhận tình trạng hôn nhân để anh H làm thủ tục kết hôn ở nước ngoài, nhưng khi tiến Hành làm thủ tục đăng ký kết hôn giữa anh H và chị Cao Thị S, UBND xã không xem xét tình trạng hôn nhân của anh H là không thực hiện đúng quy định tại Điều 66, 67 Nghị định 158/2005/ NĐ-CP ngày 27/12/2005 về thẩm quyền và thủ tục cấp “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân”. UBND xã H thực hiện đăng ký kết hôn cho anh H chị S là vi phạm Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Từ phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Han Y, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh H và chị S, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của người yêu cầu phải chịu toàn bộ án phí yêu cầu tuyên hủy kết hôn trái pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 5; Điều 8, Điều 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 369 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Han Y;

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị S được UBND xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương cấp Đăng ký kết hôn số 01 ngày 07/01/2019.

2. Về án phí: Chị Han Y phải chịu án phí sơ thẩm về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) do ông Phan Văn T nộp thay theo biên lai thu số AA/2017/0007421 ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Han Y đã nộp đủ án phí.

3. Kiến nghị UBND xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương xử lý hành chính đối với anh Nguyễn Văn H đồng thời kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và xử lý đối với cán bộ để xảy ra sai sót trong việc đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị S.

4. Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định pháp luật ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường